

Số: 294/2023/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 26 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213, Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 301/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

**Người yêu cầu:**

- Anh Trần Đức T, sinh năm 1978.

- Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1980.

Cùng đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Số nhà X, ngách Y TDP số Z, đường M, phường M, quận N, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T và chị Phạm Thị T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn T, huyện L, tỉnh B vào ngày 19/10/2004. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về cuộc sống và cá nhân. Anh chị xác định không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Anh chị cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Trần Đức T và chị Phạm Thị T1 có 02 con chung là cháu Trần Đức Bảo T2, sinh ngày 17/02/2006 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 10/01/2013. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị Phạm Thị T1 là người trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Đức T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung, mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Đức T và chị Phạm Thị T1 không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Trần Đức T tự nguyện chịu cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 18 tháng 7 năm 2023, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Đức T và chị Phạm Thị T1 thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Trần Đức T và chị Phạm Thị T1 có 02 con chung là cháu Trần Đức Bảo T2, sinh ngày 17/02/2006 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 10/01/2013. Chị Phạm Thị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Đức Bảo T2 và cháu Trần Đức M. Anh Trần Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung, mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, thỏa thuận khác.

Anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Trần Đức T và chị Phạm Thị T1 không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Anh Trần Đức T tự nguyện chịu cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai số AA/2020/0035463 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- UBND Thị trấn T, huyện L, tỉnh B (Số 34/2004);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thúy Anh**